

Số: /KH-UBND

Tân Kỳ, ngày tháng 03 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo xã Tân Kỳ năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026;

Thực hiện Kế hoạch số 639/KH-SGDĐT, ngày 04/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo xã Tân Kỳ năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Năm 2026 là năm tăng tốc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo theo định hướng Nghị quyết số 57-NQ/TW, đồng thời là năm hoàn thiện nền tảng dữ liệu và chuẩn hóa quản trị số toàn ngành sau quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và điều chỉnh đơn vị hành chính.

Chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo được xác định không chỉ là ứng dụng công nghệ thông tin đơn thuần mà là quá trình tái cấu trúc phương thức quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động giáo dục trên nền tảng số, lấy dữ liệu làm trung tâm, lấy người học làm trọng tâm và lấy hiệu quả quản trị làm thước đo.

Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục là nền tảng trung tâm của chuyển đổi số toàn ngành; bảo đảm dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung", có khả năng kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung thành phố và các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định; phục vụ hiệu quả công tác dự báo, hoạch định chính sách và điều hành.

2. Mục tiêu cụ thể

Năm 2026 tập trung thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số theo bốn nhóm trọng tâm sau:

(1) Thể chế và quản trị số

- Nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu;
- Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo quy định;
- Bảo đảm việc xử lý hồ sơ công việc, trao đổi văn bản và sử dụng chữ ký số được thực hiện đồng bộ trong toàn ngành.

(2) Hạ tầng và dữ liệu số

- Hoàn thiện, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;
- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của thành phố và các cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Triển khai đồng bộ học bạ số, số hóa văn bản, chứng chỉ theo lộ trình;
- Việc trích xuất dữ liệu, khai thác dữ liệu linh động theo yêu cầu người dùng;
- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thuộc phạm vi quản lý.

(3) Phát triển nhân lực số

- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;
- Phổ cập kỹ năng số cần thiết, cơ bản cho học sinh phù hợp từng cấp học;
- Củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục.

(4) Ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học và quản trị cơ sở giáo dục

- Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý học tập (LMS) và kho học liệu số;
- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá;
- Thí điểm và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý;
- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số trong trường học.

(Các chỉ tiêu cụ thể được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức

Chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có tính hệ thống, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của toàn ngành. Các đơn vị cần tiếp tục quán triệt đầy đủ các

chủ trương của Đảng, Nhà nước và thành phố về chuyển đổi số; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cấp quản lý.

Đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình công tác năm học, kế hoạch hoạt động của từng đơn vị; gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với công tác thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời biểu dương các mô hình tốt, cách làm hay; chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai.

2. Hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa quy trình quản lý trên môi trường số

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành; bảo đảm phù hợp quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng.

Thực hiện tái cấu trúc quy trình xử lý công việc theo hướng điện tử hóa toàn diện; giảm dần việc sử dụng hồ sơ giấy; chuẩn hóa biểu mẫu, dữ liệu đầu vào nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các đơn vị Xây dựng và ban hành hướng dẫn sử dụng công cụ số, công cụ trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý bảo đảm tính kiểm soát, minh bạch, tránh lạm dụng theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Phát triển hạ tầng kỹ thuật và nền tảng số

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục bảo đảm hệ thống mạng, thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số.

Triển khai hoàn thiện hệ thống đăng nhập một lần (SSO) trong toàn ngành; tăng cường sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản và giao dịch điện tử theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở giáo dục; theo dõi, đánh giá tỷ lệ thực hiện toàn ngành và tích hợp dữ liệu thanh toán phục vụ công tác quản lý tài chính số.

4. Phát triển và khai thác hiệu quả dữ liệu giáo dục

Tổ chức rà soát, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất; bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, chính xác và đầy đủ.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của thành phố; khai thác dữ liệu phục vụ công tác dự báo, hoạch định chính sách và điều hành.

Triển khai đồng bộ học bạ số tại 100% cơ sở giáo dục phổ thông; tiếp tục số hóa sổ gốc văn bằng, chứng chỉ; xây dựng hệ thống báo cáo theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý nhà trường

Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý học tập (LMS) tại các cơ sở giáo dục; phát triển kho học liệu số dùng chung, khuyến khích giáo viên xây dựng và chia sẻ tài nguyên số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá; từng bước mở rộng hình thức kiểm tra trên máy tính đối với các môn học phù hợp điều kiện thực tế.

Thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ xây dựng bài giảng, phân tích kết quả học tập và quản lý lớp học; đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng. Đồng thời, tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong quản trị nhà trường; chuẩn hóa và khai thác dữ liệu học sinh, lớp học, điểm số, thời khóa biểu trên môi trường điện tử; bảo đảm liên thông với cơ sở dữ liệu ngành. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, liên lạc điện tử và các tiện ích số phục vụ công tác quản lý, điều hành tại cơ sở giáo dục.

Tổ chức triển khai hệ thống đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo quy định; ứng dụng công nghệ số trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục, từng bước số hóa minh chứng kiểm định, tích hợp dữ liệu kiểm định vào cơ sở dữ liệu ngành nhằm phục vụ công tác quản lý, giám sát và nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực số

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chú trọng kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin.

Phổ cập kỹ năng số cho học sinh theo khung năng lực số phù hợp từng cấp học; từng bước triển khai nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo trong nhà trường theo lộ trình và điều kiện thực tế.

Nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục; bảo đảm mỗi đơn vị có đầu mối kỹ thuật đủ khả năng triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số.

7. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Rà soát, hoàn thiện hồ sơ xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; triển khai đầy đủ các biện pháp kỹ thuật và quản lý bảo đảm an toàn dữ liệu.

Tăng cường tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ công tác an toàn thông tin tại các đơn vị.

Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng trong toàn ngành; nâng cao khả năng phát hiện, xử lý và phục hồi hệ thống khi xảy ra sự cố. Xác định vai trò, trách nhiệm của tập thể cá nhân vi phạm về dữ liệu và an toàn mạng.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Theo Phụ lục 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 được bảo đảm từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành;
- Nguồn kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị theo dự toán được giao;
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Là bộ phận tham mưu giúp UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn xã năm 2026.

- Chủ trì phối hợp với các trường học trên địa bàn xã triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số trong giáo dục theo nội dung kế hoạch.

- Tham mưu UBND xã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục.

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, cập nhật dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh.

- Tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn xã; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND xã và cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

- Tham mưu UBND xã tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

2. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch triển khai chuyển đổi số của đơn vị phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Phân công cán bộ phụ trách công nghệ thông tin hoặc chuyển đổi số làm đầu mối triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong đơn vị.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công tác quản lý, điều hành và hoạt động dạy học; khai thác hiệu quả các hệ thống quản lý giáo dục, phần mềm quản lý nhà trường.

- Thực hiện cập nhật, chuẩn hóa và quản lý đầy đủ, chính xác dữ liệu học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo quy định.

- Triển khai các hoạt động dạy học ứng dụng công nghệ thông tin; khuyến khích giáo viên xây dựng và sử dụng học liệu số trong giảng dạy.

- Tăng cường phối hợp với phụ huynh học sinh thông qua các nền tảng số, hệ thống liên lạc điện tử nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và giáo dục học sinh.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai chuyển đổi số của đơn vị gửi về Ủy ban nhân dân xã (*qua phòng Văn hóa - Xã hội*) theo quy định.

3. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên quan

- Phối hợp với UBND xã và các cơ sở giáo dục tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đến cán bộ, hội viên, đoàn viên và nhân dân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh và nhân dân tích cực tham gia các hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục, như sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, hệ thống liên lạc điện tử và các tiện ích số trong trường học.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng internet an toàn cho học sinh và người dân.

- Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số, đặc biệt là trong công tác tuyên truyền, huy động nguồn lực xã hội hóa phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo xã Tân Kỳ năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ. Đề nghị các nhà trường, cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TV Đảng ủy, TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị;
- Các Nhà trường trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Cường

Phụ lục 1
BỘ CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức đạt 2026 |
|-----------|--|-------------|--------------|
| I | Thế chế và quản trị số | | |
| 1 | Hồ sơ công việc xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ mật) | % | 100 |
| 2 | Văn bản trao đổi giữa Sở và cơ sở giáo dục dưới dạng điện tử | % | ≥ 95 |
| 3 | Cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng chữ ký số | % | 100 |
| 4 | Cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá mức độ CĐS | % | 100 |
| 5 | Cơ sở giáo dục đạt mức độ CĐS mức 2 trở lên | % | ≥ 90 |
| 6 | Quy trình nội bộ được số hóa, tái cấu trúc | % | ≥ 80 |
| II | Hạ tầng và dữ liệu số | | |
| 7 | Hồ sơ học sinh được chuẩn hóa, đồng bộ trên CSDL ngành | % | 100 |
| 8 | Dữ liệu học sinh được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư | % | ≥ 95 |
| 9 | Cơ sở giáo dục triển khai học bạ số | % | 100 |
| 10 | Sổ gốc văn bằng được số hóa theo lộ trình | % | ≥ 90 |
| 11 | Hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin | % | 100 |
| 12 | Dữ liệu giáo dục kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung thành phố | % | 100 |

| | | | |
|------------|--|----------------|------|
| III | Phát triển nhân lực số | | |
| 13 | Cán bộ quản lý được bồi dưỡng nâng cao năng lực số | % | 100 |
| 14 | Giáo viên được tập huấn kỹ năng số | % | ≥ 90 |
| 15 | Cơ sở giáo dục có cán bộ phụ trách CNTT/CĐS | % | 100 |
| 16 | Học sinh được trang bị kỹ năng số cơ bản | % | ≥ 85 |
| 17 | Đơn vị tổ chức ít nhất 01 hoạt động tuyên truyền về CĐS | % | 100 |
| IV | Ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học và quản trị cơ sở giáo dục | | |
| 18 | Giáo viên sử dụng học liệu số trong giảng dạy | % | ≥ 80 |
| 19 | Đơn vị thí điểm ứng dụng AI trong dạy học | Cơ sở giáo dục | ≥ 6 |
| 20 | Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học | % | 100 |

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

| TT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm/Kết quả | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian |
|-----------|--|--|--|--|--------------|
| I | Quản trị, điều hành và hoàn thiện thể chế chuyển đổi số trong toàn ngành | | | | |
| 1 | Tổ chức theo dõi, tổng hợp và đánh giá định kỳ việc thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số toàn ngành theo Phụ lục 1 | Báo cáo quý; báo cáo năm; bảng tổng hợp chỉ tiêu | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Hàng quý |
| 2 | Tổ chức triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo quy định; tổng hợp, công bố kết quả phục vụ chỉ đạo, điều hành | Báo cáo đánh giá; danh sách mức độ CDS | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Quý I, II |
| 3 | Thực hiện các kỹ thuật, quy trình khai thác các nền tảng số dùng chung (eOffice, SSO, CSDL ngành, dashboard...) và chế độ báo cáo số liệu theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. | Báo cáo kết quả thực hiện | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Quý I |
| 4 | Tổ chức triển khai sử dụng chữ ký số trong xử lý công việc; kiểm tra, đánh giá tỷ lệ sử dụng và chấn chỉnh kịp thời | Báo cáo kết quả triển khai; tỷ lệ sử dụng | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Hàng quý |
| II | Phát triển dữ liệu số và cơ sở dữ liệu ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản trị | | | | |
| 5 | Phối hợp tổ chức rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất trên CSDL ngành; thống nhất mã định danh và cấu trúc dữ liệu | Bộ dữ liệu chuẩn hóa | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |

| | | | | | |
|------------|---|---|--|--|--------------|
| 6 | Đồng bộ và xác thực dữ liệu học sinh với CSDL quốc gia về dân cư theo Đề án 06; tổ chức triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thông kê giáo dục gắn với Đề án 06 theo kế hoạch năm học; bảo đảm đồng bộ, liên thông dữ liệu dân cư, định danh điện tử và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan. | Báo cáo kết quả; tỷ lệ xác thực đạt yêu cầu | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| 7 | Tổ chức số hóa, cập nhật sổ gốc văn bằng, chứng chỉ theo lộ trình | CSDL văn bằng số; quy trình chuẩn | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| III | Chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị cơ sở giáo dục | | | | |
| 8 | Triển khai, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống LMS đối với cấp mầm non, tiểu học | 100% trường triển khai; báo cáo sử dụng | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| 9 | Triển khai, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống LMS đối với cấp THCS, THPT | 100% trường triển khai; báo cáo sử dụng | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| 10 | Thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ dạy học và quản lý lớp học; đánh giá, rút kinh nghiệm | Báo cáo thí điểm; đề xuất nhân rộng | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |

| | | | | | |
|-----------|--|---|--|--|--------------|
| 11 | Chuẩn hóa, khai thác dữ liệu thi, dữ liệu học sinh và dữ liệu quản trị nhà trường (lớp học, điểm, thời khóa biểu...) phục vụ phân tích chất lượng giáo dục và điều hành. | Báo cáo phân tích; bộ dữ liệu chuẩn | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Quý IIIII |
| 12 | Xây dựng, bổ sung kho học liệu số dùng chung toàn ngành; khuyến khích chia sẻ tài nguyên số | Kho học liệu cập nhật; báo cáo thống kê | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| IV | Phát triển nhân lực số và nâng cao năng lực chuyển đổi số | | | | |
| 13 | Tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý các cấp | Báo cáo tập huấn; danh sách hoàn thành | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| 14 | Tham gia tập huấn kỹ năng số và sử dụng nền tảng số cho giáo viên theo từng cấp học | Báo cáo kết quả; tỷ lệ tham gia | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| 15 | Rà soát, tham mưu bố trí vị trí việc làm liên quan CNTT, chuyển đổi số tại đơn vị | Báo cáo rà soát; đề xuất phương án | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |
| V | Tài chính số và huy động nguồn lực cho chuyển đổi số | | | | |
| 16 | Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở giáo dục | Kết quả thực hiện | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Quý I |

| | | | | | |
|------------|---|---|--|--|--------------|
| 17 | Theo dõi, đánh giá tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt toàn ngành; tham mưu giải pháp nâng cao | Báo cáo quý | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Hàng quý |
| VI | Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân | | | | |
| 18 | Hoàn thiện hồ sơ xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin ngành | Hồ sơ cấp độ được phê duyệt | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Quý III |
| 19 | Tham gia tập huấn về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin trong trường học | Báo cáo tập huấn | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Quý II |
| 20 | Kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn thông tin tại cơ sở giáo dục | Biên bản kiểm tra; báo cáo tổng hợp | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Quý III |
| 21 | Tổ chức diễn tập xử lý sự cố an ninh mạng trong ngành giáo dục | Kịch bản; báo cáo diễn tập | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Quý IV |
| VII | Truyền thông và nhân rộng mô hình chuyển đổi số | | | | |
| 22 | Tổ chức các hoạt động truyền thông, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia; tuyên truyền, nhân rộng mô hình, sáng kiến CDS trong ngành | Kế hoạch/hoạt động truyền thông; tin, bài | Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã | Phòng Văn hóa - Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Thường xuyên |